

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-PT
Ngày 25 - 02 - 2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;
Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 2 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị D, sinh năm 1932; địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

(Bà Võ Thị D chết ngày 13/5/2019, hiện nay chưa xác định được người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Phạm Thụy Ngọc Ph, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2/. Bà Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1984 (quốc tịch Việt Nam); địa chỉ: N

S H, FL USA.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961 và bà Phạm Thụy Ngọc Ph; cùng địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương. (có mặt bà Nguyễn Thị M)

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thụy Ngọc Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án trước đây, nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:

Bà Võ Thị D, sinh năm 1932 và cụ Phạm Văn U, sinh năm 1932, chết 1960 là vợ chồng, có con tên là Phạm Văn Tr sinh năm 1961, chết ngày 06/10/2015. Ông Phạm Văn Tr có vợ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961. Ông Tr và bà M có hai con chung tên là Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1984 và Phạm Thụy Ngọc Ph, sinh năm 1990.

Lúc sinh thời, ông Tr có tạo lập diện tích đất 47,2m², thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 44, tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân thị xã Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY977014 ngày 15/5/2015 cho ông Tr. Trên phần đất này có căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông Tr, bà M. Sau khi ông Tr chết thì nhà, đất này bà M trực tiếp quản lý và sử dụng cho đến nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M đang cất giữ. Khi ông Tr còn sống không lập di chúc để phần đất này cho ai. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản này theo quy định pháp luật cho 03 kỹ phần gồm có bà D (mẹ của ông Tr), bà M (vợ của ông Tr) và Loan, Phụng (con của ông Tr). Bà D yêu cầu nhận kỹ phần thừa kế bằng tiền có giá trị 200.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 03/10/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà D rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế căn nhà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ huyết thống của ông Phạm Văn Tr như bà D trình bày là đúng sự thật. Về di sản nhà và đất là của chung vợ chồng ông Tr và bà M có được do bà Nguyễn Thị Đ (bà ngoại kế của ông Tr) chết để lại cho vợ chồng ông Tr, bà M vào năm 1984. Sau năm 1984, vợ chồng bà M xây dựng căn nhà cấp 4 để ở, trong quá trình sử dụng thì căn nhà bị hư nên vợ chồng có sửa chữa nhà lại nhiều lần. Đến năm 2003, vợ chồng bà M, ông Tr làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 21/7/2003, Ủy ban nhân dân thị xã Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Tr đứng tên. Đến năm 2013, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc và đến ngày 25/5/2015, Ủy ban nhân dân thị xã Th cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2013, bà M với ông Tr có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã đồng ý thuận tình ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 251/2013/QĐST-TTLH ngày 25/7/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Th nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, để bà M với ông Tr tự thỏa thuận. Vài tháng sau ly hôn, bà M với ông Tr tự thỏa thuận là nhà và đất này chia cho 04 kỷ phần bằng nhau gồm có bà M, ông Tr, L và Ph, mỗi người nhận số tiền 150.000.000 đồng; ông Tr đồng ý lấy tiền nên bà M có đưa cho ông Tr số tiền 150.000.000 đồng để bà M sở hữu nhà và đất này. Từ đó ông Tr ra ngoài thuê nhà trọ sống cho đến khoảng 02 năm sau thì ông Tr chết, còn bà M thì trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất này cho đến nay và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do là người trong gia đình nên việc phân chia không làm giấy tờ nhưng có sự chứng kiến của bà Ph. Do tài sản này đã phân chia xong nên bà M xác định nhà, đất này là của riêng bà M nên bà M không đồng ý chia cho mẹ của ông Tr là bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thúy L và bà Phạm Thụy Ngọc Ph ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà L và bà Ph thống nhất như ý kiến và yêu cầu của bà M. Trường hợp Tòa án chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và chia di sản thừa kế thì phần di sản của bà Ph và bà L được chia sẽ giao bà M trực tiếp quản lý, sử dụng.

Người làm chứng bà Phạm Thụy Ngọc Ph trình bày. Ông Phạm Văn Tr và bà Nguyễn Thị M là cha, mẹ của bà Ph. Sau khi cha, mẹ của bà Ph đã ly hôn thì ông Tr, bà M cùng với bà Ph có bàn bạc thống nhất là phần đất gắn liền nhà là của cha, mẹ chia cho 04 phần gồm có ông Tr, bà M, Ph và L, mỗi người nhận 01 kỷ phần với số tiền 150.000.000 đồng; ông Tr đồng ý lấy tiền nên bà M có đưa cho ông Tr số tiền 150.000.000 đồng, để bà M sở hữu nhà và đất này. Từ đó, ông Tr ra ngoài thuê nhà trọ sống cho đến khoảng 02 năm sau thì ông Tr chết, còn bà M trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất cho đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M về tranh chấp thừa kế tài sản (căn nhà).

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp thừa kế tài sản (đất).

Xác định di sản của ông Phạm Văn Tr là diện tích đất 23,6m², tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, nằm 01 (một) phần trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 977014 cấp ngày 15/5/2015, do ông Phạm

Văn Tr đứng tên.

Những người được hưởng di sản của ông Phạm Văn Tr là bà Võ Thị D và Phạm Thị Thúy L, Phạm Thụy Ngọc Ph.

Di sản ông Phạm Văn Tr được chia như sau:

- Bà Võ Thị D được hưởng 01 (một) kỷ phần với số tiền 141.600.000 đồng.

- Phạm Thị Thúy L, Phạm Thụy Ngọc Ph được hưởng 01 (một) kỷ phần với số tiền 141.600.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M được quyền tiếp tục sở hữu nhà, đất có diện tích 47,2m², thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 44, tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương do UBND thị xã Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 977014 ngày 15/5/2015 cho ông Phạm Văn Tr đứng tên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/11/2018, bà Nguyễn Thị M và bà Phạm Thụy Ngọc Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 29/2018/QĐKNPT-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị M đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giữ nguyên quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Phạm Văn Tr có 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Võ Thị D, bà Phạm Thụy Ngọc Ph, bà Phạm Thị Thúy L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mỗi người đều được hưởng phần thừa kế bằng nhau. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bà D được hưởng 01 kỷ phần, bà Ph và bà L cùng được hưởng 01 kỷ phần là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị số 29/2018/QĐKNPT-DS ngày

21/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, Phạm Thụy Ngọc Ph thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Võ Thị D khởi kiện yêu cầu di sản của ông Phạm Văn Tr đối với quyền sử dụng diện tích đất 47,2m², tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương. Đối với giá trị nhà trên đất, bà D rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà D là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Phần diện tích đất 47,2m² thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 44, tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị Đ (bà ngoại ông Phạm Văn Tr) tạo lập. Sau khi cụ Đ chết thì để lại cho vợ chồng ông Tr, bà M sử dụng từ năm 1984. Ông Tr, bà M quản lý, sử dụng diện tích đất trên, xây dựng nhà ở ổn định trên đất. Ngày 15/5/2015, UBND thị xã Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 977014 cấp ngày 15/5/2015, do ông Phạm Văn Tr đứng tên đại diện. Như vậy, có căn cứ xác định nhà đất tại thửa số 200, tờ bản đồ số 44, tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th là tài sản chung của ông Tr, bà M trong thời kỳ hôn nhân.

Bà M, bà Ph cho rằng sau khi ly hôn, ông Tr và bà M thống nhất thỏa thuận nhà và đất này chia cho 04 phần bằng nhau gồm có bà M, ông Tr, Loan và Phụng, mỗi người nhận số tiền 150.000.000 đồng; bà M đã đưa cho ông Tr số tiền 150.000.000 đồng để bà M sở hữu nhà và đất này; tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng diện tích đất 23,6m² là di sản ông Tr để lại chưa chia là có căn cứ.

Ông Tr có 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Võ Thị D, bà Phạm Thụy Ngọc Ph, bà Phạm Thị Thúy L. Di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất 23,6m² tương ứng 283.200.000 đồng. Mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau tương đương 94.400.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà D được hưởng 01 kỷ phần, bà Ph và bà L cùng được hưởng 01 kỷ phần tương đương 141.600.000 đồng là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và một phần kháng cáo của bà M, bà Ph; sửa án sơ thẩm đối với giá trị phần thừa kế được hưởng.

[2.3] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Võ Thị D chết, Tòa án cấp phúc thẩm đã xác minh nhưng không xác định được đầy đủ những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D. Vì vậy, phần di sản thừa kế bà D được hưởng tương ứng 94.400.000 đồng tạm giao cho bà Nguyễn Thị M quản lý. Những người được hưởng thừa kế của bà Võ Thị D theo quy định pháp luật có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị M thanh toán giá trị phần thừa kế của bà Võ Thị D khi đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật về thừa kế.

Đối với bà Phạm Thị Thúy L, bà Phạm Thụy Ngọc Ph có ý kiến để lại

phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị M được hưởng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị D là người cao tuổi nên được miễn.

Bà Phạm Thụy Ngọc Ph, Phạm Thị Thúy L mỗi người phải chịu 4.700.000 đồng.

[2.5] Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị M, Phạm Thụy Ngọc Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 29/2018/QĐKNPT-DS ngày 21/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, Phạm Thụy Ngọc Ph.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M về tranh chấp thừa kế tài sản (căn nhà).

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp thừa kế tài sản (đất).

Xác định di sản của ông Phạm Văn Tr là diện tích đất 23,6m², tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, nằm 01 (một) phần trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 977014 cấp ngày 15/5/2015, do ông Phạm Văn Tr đứng tên.

Những người được hưởng di sản của ông Phạm Văn Tr là bà Võ Thị D, bà Phạm Thị Thúy L, bà Phạm Thụy Ngọc Ph.

Di sản ông Phạm Văn Tr được chia như sau:

Bà Võ Thị D, bà Phạm Thị Thúy L, bà Phạm Thụy Ngọc Ph mỗi người được hưởng 01 (một) kỷ phần với số tiền 94.400.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Thúy L, bà Phạm Thụy Ngọc Ph để lại phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị M được hưởng.

Tạm giao phần thừa kế của bà Võ Thị D tương ứng 94.400.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M quản lý. Những người được hưởng thừa kế của bà Võ Thị D

theo quy định pháp luật có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị M thanh toán giá trị phần thừa kế của bà Võ Thị D khi đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật về thừa kế.

Bà Nguyễn Thị M được quyền tiếp tục sở hữu nhà, đất có diện tích 47,2m², thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 44, tọa lạc khu phố L, phường L1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương do UBND thị xã Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 977014 ngày 15/5/2015 do ông Phạm Văn Tr đứng tên.

Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị D được miễn. Bà Phạm Thụy Ngọc Ph, Phạm Thị Thúy L mỗi người phải chịu 4.700.000 đồng.

Chi phí tố tụng khác được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M và bà Phạm Thụy Ngọc Ph mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0026882 và 0026883 cùng ngày 29/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn

Dương Tuấn Vinh

Hoàng Thanh Dũng